| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ PHỦ LÝ**<br>**TỈNH HÀ NAM** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 17/2023/HNGĐ-ST
Ngày 24-05-2023.
V/v: "*Kiện xin ly hôn, nuôi con chung*".

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ - TỈNH HÀ NAM**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Lê Thanh Sơn.
*Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Chí Trung và bà Nguyễn Thị Huê.
***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Chính - Thẩm tra viên.
***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà:*** Ông Phạm Quang Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 05 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 131/2022/TLST- HNGĐ ngày 28/12/2022 về tranh chấp: "Kiện xin ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/04/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2023/QĐ-TA ngày 09/05/2023 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Lại Thị P, sinh năm 1985.

* *Bị đơn:* Anh Trần Văn L, sinh năm 1984.

Cùng địa chỉ: Tổ C, phường L, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Phiên tòa có mặt chị Lại Thị P và anh Trần Văn L vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

* Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và quá trình giải quyết vụ án, chị Lại Thị P đều khai, trình bày: Chị và anh Trần Văn L lấy nhau có đăng ký kết hôn ngày 08/10/2007 tại UBND phường L, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Trước khi kết hôn chị và anh L có thời gian tự do tìm hiểu khoảng 01 năm, sau đó được gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do hai bên bất đồng quan điểm, cách sống, lối sống không còn hợp nhau, anh L không chịu tu chí làm ăn dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, đánh chửi nhau. Từ năm 2021 đến nay, vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Trong thời gian ly thân, anh chị đã được chính quyền, đoàn thể địa phương, gia đình hai bên hòa giải, khuyên bảo nhưng không có kết quả. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, các bên không còn

tình cảm, không thể đoàn tụ để tiếp tục cùng chung sống nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị P trình bày, xác nhận vợ chồng có ba người con chung là các cháu Trần Thanh T (con gái), sinh ngày 08/12/2008, Trần Hải Đ (con trai) sinh ngày 14/11/2010 và Trần Hải T (con trai) sinh ngày 08/10/2017. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Trần Thanh T, còn cháu Trần Hải Đ và cháu Trần Hải T đề nghị giao cho anh L nuôi dưỡng theo thỏa thuận về con chung giữa chị và anh L trước khi ly hôn. Chị không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Chị cũng xác định vợ chồng không có con riêng, con nuôi nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và các nghĩa vụ chung khác của vợ chồng: Chị P trình bày, xác định vợ chồng không có tài sản chung, tài sản riêng, không có công nợ gì với ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quá trình giải quyết vụ án, anh Trần Văn L luôn vắng mặt, không chấp hành yêu cầu triệu tập của Tòa án để giải quyết việc chị P xin ly hôn. Xác minh tại nơi cư trú xác định anh L có hộ khẩu thường trú tại tổ C, phường L, thành phố Phủ Lý và vẫn đang sinh sống tại nơi cư trú. Khi Tòa án thực hiện việc tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án cho anh L theo quy định pháp luật, anh L đều không thực hiện việc ký tên xác nhận đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án.

* Tại bản tự khai ngày 21/02/2023, cháu Trần Thanh T và cháu Trần Hải Đ đều trình bày: Trong cuộc sống, các cháu thấy bố mẹ không hòa thuận, hay đánh cãi chửi nhau do bố hay uống rượu bia, say rượu gây mâu thuẫn với mẹ. Từ cuối năm 2022 đến nay, bố mẹ các cháu không còn ở cùng nhau. Nếu bố mẹ ly hôn cháu T có nguyện vọng được ở với mẹ, còn cháu Đ có nguyện vọng ở với bố.

* UBND phường L, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam có quan điểm: Địa phương xác nhận ngày 08/10/2007, UBND phường đã cấp giấy chứng nhận kết hôn cho anh Trần Văn L và chị Lại Thị P. Quá trình chung sống tại địa phương anh chị thường hay xảy ra mâu thuẫn bất hòa, xô sát với nhau. Tổ dân phố và Chính quyền phường đã nhiều lần tổ chức hòa giải để anh chị sống hòa thuận hơn nhưng chỉ được một thời gian các bên lại xảy ra mâu thuẫn, xô sát. Tháng 09/2022, địa phương nhận được đơn xin ly hôn của chị P do xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và đề nghị không tiến hành hòa giải giữa các bên. Vợ chồng anh chị có 03 con chung như chị P đã trình bày là đúng. Nay chị P xin ly hôn, do anh chị đều làm nghề tự do nên địa phương đề nghị Tòa án xem xét điều kiện của các bên để giải quyết việc ly hôn và vấn đề con chung của anh chị theo quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các bên.

** Tại phiên toà:*

Chị Lại Thị P giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện và ý kiến, quan điểm đã trình bày về việc xin ly hôn. Về con chung, chị P thay đổi ý kiến ban đầu, xin được trực tiếp nuôi dưỡng các cháu Trần Thanh T và Trần Hải T để đảm bảo cuộc sống cho các cháu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng

theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự theo quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật khi Tòa án nhiều lần triệu tập hợp lệ để trình bày ý kiến, quan điểm về việc bị khởi kiện, tham gia tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng đều vắng mặt không có lý do.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi phân tích các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xem xét ý kiến, nguyện vọng và đánh giá tình trạng hôn nhân của các bên đương sự, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 28, 35, 39, 68, 144, 147, 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lại Thị P:

- Về hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Lại Thị P và anh Trần Văn L.
- Về con chung: Giao các cháu Trần Thanh T và Trần Hải T cho chị P, giao cháu Trần Hải Đ cho anh L trực tiếp quản lý, nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi các cháu trưởng thành. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.
- Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, nghe Kiểm sát viên trình bày ý kiến phát biểu, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Trần Văn L có hộ khẩu thường trú tại tổ C, phường L, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án: "Kiện xin ly hôn và nuôi con chung" giữa chị Lại Thị P và anh Trần Văn L thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

[2] Về xét xử vắng mặt đương sự: Tại phiên tòa mở lần thứ hai, anh Trần Văn L vắng mặt mà không có người đại diện tham gia phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn xét xử vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị Lại Thị P và anh Trần Văn L trên cơ sở các bên tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 08/10/2007 tại UBND phường L, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam do đó hoàn toàn hợp pháp, được pháp luật tôn trọng và bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Lại Thị P, Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau kết hôn, chị P với anh L đã có thời gian dài chung sống hòa thuận, hạnh phúc và anh chị đã có với nhau 03 người con chung. Đến năm 2020 giữa vợ chồng anh chị mới phát sinh mâu thuẫn. Về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn theo ý kiến của chị P là do vợ chồng bất đồng quan điểm, cách sống, lối sống không còn hợp nhau, anh L không chịu tu chí làm ăn để vun đắp cho tổ ấm gia đình lại hay rượu chè về đánh

chửi vợ con nên các bên thường xảy ra bất hòa dẫn đến ly thân, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Hội đồng xét xử xét thấy rằng tại thời điểm chị P xin ly hôn, tình trạng hôn nhân của anh chị đã thực sự trầm trọng, vợ chồng không còn có sự quan tâm, chăm sóc nào đến nhau. Mặc dù anh chị đã được chính quyền, đoàn thể địa phương và gia đình hai bên nhiều lần khuyên bảo, nhắc nhở để chung sống hòa thuận hơn nhưng không đạt được kết quả. Khi xin ly hôn, chị P xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục cùng anh L chung sống. Như vậy, mục đích cuộc hôn nhân của anh chị đã không đạt được, cuộc sống chung không thể tiếp tục và kéo dài nên cần xem xét, chấp nhận giải quyết cho chị P được ly hôn với anh L là phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Vợ chồng anh chị có 03 người con là cháu Trần Thanh T (con gái), sinh ngày 08/12/2008, Trần Hải Đ (con trai) sinh ngày 14/11/2010 và Trần Hải T (con trai) sinh ngày 08/10/2017. Chị P ban đầu đề nghị được nhận nuôi cháu Trần Thanh T, giao cho anh L nuôi 02 cháu Trần Hải Đ và Trần Hải T, các bên không phải chu cấp nuôi con chung cho nhau như các bên đã có thỏa thuận trước đó về con chung khi ly hôn. Tại phiên tòa chị P thay đổi ý kiến xin được nhận nuôi hai cháu Trần Thanh T và Trần Hải T. Hội đồng xét xử nhận thấy khi giải quyết yêu cầu xin ly hôn của chị P, cháu Trần Thanh T có nguyện vọng được ở với mẹ, cháu Trần Hải Đ có nguyện vọng được ở với bố, cháu Trần Hải T còn nhỏ tuổi hiện do chị P quản lý, nuôi dưỡng. Vì vậy khi giải quyết cho anh chị ly hôn, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, cuộc sống được đảm bảo ổn định, không bị xáo trộn, phù hợp với điều kiện về tâm, sinh lý của các cháu và điều kiện sống của các bên xét thấy cần giao các cháu Trần Thanh T và Trần Hải T cho chị P, giao cháu Trần Hải Đ cho anh Luyện trực tiếp quản lý, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành tự lập được hoặc đến khi có sự thay đổi khác, các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với nguyện vọng, điều kiện thực tế của các bên và quy định của pháp luật tại Điều 81của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về con nuôi, con riêng: Chị P xác nhận các bên không có con riêng, con nuôi và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Hiện tại chị P không có thai nghén gì.

[6] Về tài sản, công nợ chung: Các bên không ai có yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và công nợ chung nên không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Chị Phương phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 144, 147, 227, 228, 271, 273, 278 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lại Thị P: Xử ly hôn giữa chị Lại Thị P và anh Trần Văn L.

2. Về con chung:

2.1. Giao cháu Trần Thanh T (con gái), sinh ngày 08/12/2008 và cháu Trần Hải T (con trai) sinh ngày 08/10/2017 là con chung của vợ chồng cho chị Lại Thị P trực tiếp quản lý, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi hai cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

2.2. Giao cháu Trần Hải Đ (con trai) sinh ngày 14/11/2010 là con chung của vợ chồng cho anh Trần Văn L trực tiếp quản lý, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

2.3. Các bên không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

2.4. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2.5. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về con riêng, con nuôi, tài sản chung và công nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lại Thị P phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đồng, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng theo biên lai số AA/2021/0001592 ngày 28/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, chị P đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tối cao;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THADS thành phố Phủ Lý;
- UBND phường L, Tp. Phủ Lý;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**(đã ký)**

**Lê Thanh Sơn**